

# NỘI DUNG THUYẾT MINH

**Về việc ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 01/2015/TT-NHNN ngày 06/1/2015 quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

---

## **1. Cơ sở để đề xuất ban hành Thông tư**

Thông tư số 01/2015/TT-NHNN ngày 06/1/2015 (Thông tư 01) được ban hành nhằm tạo khuôn khổ pháp lý cho TCTD thực hiện hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (NHTM, CN NHNNg) trên thị trường trong nước và quốc tế đảm bảo an toàn, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, đồng thời góp phần mở rộng các dịch vụ tài chính cho khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng với NHTM, CN NHNNg nhằm hạn chế rủi ro lãi suất phát sinh. Thời gian qua NHNN đã nhận được một số ý kiến của các TCTD, CN NHNNg phản ánh về các khó khăn vướng mắc liên quan đến quy định tại Thông tư 01; đồng thời, qua quá trình thanh tra, giám sát phát sinh một số vấn đề cần xem xét, xử lý. Theo đó, việc nghiên cứu, sửa đổi Thông tư 01 là cần thiết nhằm góp phần khắc phục những vướng mắc phát sinh trong thực tế, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

2. Căn cứ Luật NHNN, Luật các TCTD, các quy định của pháp luật liên quan, tình hình thực tế về hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của các NHTM, CN NHNNg và để đảm bảo việc thực hiện sản phẩm phái sinh lãi suất an toàn, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời tăng cường phát triển thị trường phái sinh, NHNN dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01; trong đó một số nội dung chủ yếu như sau:

2.1. Bổ sung đối tượng được thực hiện sản phẩm phái sinh lãi suất bao gồm nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức sở hữu trái phiếu Chính phủ phát hành bằng VND tại thị trường trong nước. Quy định này nhằm mục đích tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức (các quỹ đầu tư nước ngoài, các tổ chức quốc tế như IFC, ADB...) đầu tư vào trái phiếu Chính phủ phát hành bằng VND tại thị trường trong nước được thực hiện giao dịch phái sinh lãi suất nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro về lãi suất cho trái phiếu Chính phủ mà nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ; đồng thời, Thông tư cũng quy định điều kiện đối với khách hàng là nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện sản phẩm phái sinh lãi suất. Việc bổ sung quy định này cũng phù hợp với đối tượng khách hàng được thực hiện giao dịch ngoại tệ (bao gồm nhà đầu tư nước ngoài) theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 của NHNN hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các TCTD được phép hoạt động ngoại hối.

2.2. Bổ sung các định nghĩa

(i) Ngày có hiệu lực của hợp đồng phái sinh lãi suất, đồng thời quy định ngày có hiệu lực của hợp đồng phái sinh lãi suất có thể trùng hoặc sau ngày giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất nhằm quy định cụ thể trường hợp NHTM, CN NHNNg thực hiện các sản phẩm phái sinh lãi suất có ngày có hiệu lực trong tương lai.

(ii) "Thời hạn thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất", đồng thời quy định các NHTM, CN NHNNg có thể thực hiện các hợp đồng phái sinh lãi suất có thời hạn bằng hoặc ngắn hơn thời hạn còn lại của giao dịch gốc. Quy định này nhằm cho phép khách hàng linh hoạt trong việc sử dụng hợp đồng phái sinh lãi suất để phòng ngừa cho thời hạn còn lại của giao dịch gốc, nhất là trong trường hợp thời hạn còn lại của giao dịch gốc dài hơn so với thời hạn của một số hợp đồng phái sinh tiêu chuẩn được giao dịch trên thị trường quốc tế;

(iii) "Thanh toán ròng", là việc thanh toán một khoản tiền ròng được tính theo giá trị thị trường hiện tại hoặc giá trị tính theo mô hình giá (mark to model) của các hợp đồng phái sinh lãi suất được chấm dứt tại hoặc trước thời điểm đến hạn theo thỏa thuận giữa các bên và sau khi thực hiện bù trừ các dòng tiền phải trả của các hợp đồng phái sinh lãi suất giữa các bên giao kết hợp đồng tại một ngày xác định với một đồng tiền xác định để thành một khoản phải thu hoặc khoản phải trả của một bên. Việc bổ sung định nghĩa này nhằm mục đích giải thích cho quy định tại khoản 3 Điều 1 về việc các NHTM, CN NHNNg có thể thỏa thuận với khách hàng về việc thanh toán ròng của các hợp đồng phái sinh lãi suất đã giao kết.

**2.3. Bổ sung một số nguyên tắc mà NHTM, CN NHNNg phải tuân thủ khi thực hiện kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất**

a) Trường hợp khách hàng là pháp nhân không có hoặc không có đủ ngoại tệ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh khi thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất, thì khách hàng được mua ngoại tệ tại TCTD, CN NHNNg để thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh khi thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất, vì trong thực tế có phát sinh trường hợp này và các TCTD, CN NHNNg gặp khó khăn trong việc bán ngoại tệ để thanh toán các nghĩa vụ thanh toán lỗ ròng phát sinh khi thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất.

b) Cho phép NHTM, CN NHNNg có thể thỏa thuận với khách hàng về việc thanh toán ròng của các hợp đồng phái sinh lãi suất đã giao kết nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng, tăng tính thanh khoản, tạo điều kiện cho thị trường phái sinh lãi suất phát triển ổn định hơn, do bản chất các giao dịch phái sinh lãi suất thường là các giao dịch trung, dài hạn nên có rủi ro đối tác khá lớn.

**2.4. Bổ sung quy định đối với sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền, trường hợp khách hàng được nhận ngoại tệ từ khoản tiền lãi phát sinh trong giao dịch phái sinh lãi suất hoặc nhận ngoại tệ từ việc trao đổi khoản vốn gốc danh nghĩa, thì nguồn ngoại tệ này được sử dụng để thanh toán cho các nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch gốc của khách hàng hoặc khách hàng phải bán nguồn ngoại tệ này cho NHTM, CN NHNNg kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất đó. Mục đích của quy định này nhằm làm rõ trường hợp khách hàng**

nhận ngoại tệ thì chỉ được sử dụng ngoại tệ đó để phục vụ cho các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng gốc của khách hàng hoặc phải bán cho ngân hàng, phù hợp với quy định về hạn chế giao dịch bằng ngoại tệ trong nước.

**2.5.** Sửa đổi quy định về giới hạn hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất cho phù hợp với các quy định hiện hành của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn (Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016) và quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, CN NHNNg (Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018) theo hướng:

- Đối với các NHTM, CN NHNNg tuân thủ quy định tại Thông tư 41 và Thông tư 13, không cần thiết yêu cầu TCTD thực hiện giới hạn của hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định tại Điều 12 Thông tư 01, vì Thông tư 41 và Thông tư 13 đã có các quy định chặt chẽ về vấn đề này.

- Đối với các NHTM, CN NHNNg chưa tuân thủ được quy định tại Thông tư 41 và các TCTD khác (CTTC, CTCTTC<sup>2</sup>) được sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất: có 02 cách thức để kiểm soát rủi ro đối với việc các TCTD này: **(i)** Kiểm soát về giới hạn về lỗ ròng không vượt quá 5% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 12 Thông tư 01; **(ii)** Hoặc xây dựng quy định nội bộ về quản lý rủi ro, trong đó bao gồm hạn mức rủi ro lãi suất; hạn mức cắt lỗ; hạn mức tổng trạng thái rủi ro lãi suất đối với các sản phẩm phái sinh lãi suất để đảm bảo việc kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất an toàn, hiệu quả (quy định này nhằm tạo điều kiện cho một số TCTD có quy mô vốn điều lệ nhỏ, nhưng cần sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất để phòng ngừa rủi ro lãi suất cho chính TCTD này).

**2.6.** Quy định việc hợp đồng phái sinh lãi suất phải có nội dung về giao dịch gốc, giá trị khoản vốn gốc, lãi suất áp dụng trong giao dịch gốc, lịch thanh toán gốc và lãi của giao dịch gốc chỉ áp dụng đối với khách hàng là pháp nhân, nhà đầu tư nước ngoài, không áp dụng với khách hàng là TCTD, CN NHNNg vì lý do bảo mật thông tin khách hàng của TCTD, CN NHNNg khi thực hiện sản phẩm phái sinh lãi suất, đồng thời TCTD, CN NHNNg phải tuân thủ các quy định chặt chẽ của NHNN về việc quản lý rủi ro và cung cấp thông tin.

### **2.7.** Bỏ quy định về trích lập dự phòng

Các rủi ro có thể xảy ra đối với sản phẩm phái sinh lãi suất, gồm (i) Rủi ro thị trường xảy ra do chênh lệch lãi suất ngược với dự báo của TCTD; (ii) Rủi ro tín dụng đối tác xảy ra khi đối tác mất khả năng chi trả; (iii) Rủi ro hoạt động trong quá trình tác nghiệp sản phẩm. Để hạn chế các rủi ro nêu trên có thể xảy ra, thì Thông tư 01 đã có quy định yêu cầu các TCTD thực hiện giao dịch đối ứng (Điều 8) để tạo cơ chế hai chiều hạn chế tác động tiêu cực của biến động lãi suất; quy định về điều kiện đối với khách hàng, đối tác giao dịch (Điều 7 và Điều 11) nhằm góp phần hạn chế rủi ro tín dụng đối tác; quy định về chức năng, nhiệm vụ cá nhân, bộ phận trong việc thẩm định, phê duyệt, quyết định giao dịch (Điều 19) nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình tác nghiệp giao dịch. Mặt

<sup>2</sup> Không thuộc đối tượng phải tuân thủ quy định tại Thông tư 41 và Thông tư 13.

khác, theo thông lệ thì việc trích lập dự phòng rủi ro đối với sản phẩm phái sinh là không phổ biến (theo Hiệp ước vốn Basel II, Chuẩn mực kế toán quốc tế 39 (IAS 39) và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, thì việc trích lập dự phòng rủi ro chủ yếu được thực hiện với rủi ro tín dụng cho các khoản vay; không yêu cầu trích lập dự phòng đối với rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Ngoài ra, NHNN đã ban hành Thông tư 41 và Thông tư 13 để đảm bảo TCTD có đủ vốn để hấp thụ tổn thất khi rủi ro xảy ra, thì rủi ro đối với các giao dịch phái sinh đã được đo lường và tính toán vào tỷ lệ an toàn vốn của TCTD.

**2.8.** Sửa đổi, bổ sung nội dung về yêu cầu báo cáo gửi NHNN theo hướng các NHTM, CN NHNNg thực hiện báo cáo hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của NHNN (theo quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với TCTD, CN NHNNg và các Thông tư sửa đổi, bổ sung), đồng thời bổ sung trách nhiệm của NHTM, CN NHNNg đối với việc thực hiện báo cáo ./.

---